

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – LÂM ĐỒNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 80/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 7 - 2026

V/v không công nhận quan hệ
vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – LÂM ĐỒNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Xuân Vi

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hằng

Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Giang Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân
Khu vực 10 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm
Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên. Ngày 31
tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm
Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 348/2026/TLST-HNGĐ ngày
13/5/2026 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
79/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên
tòa số 64/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị S, sinh năm 1969

HKTT: Khu phố T, phường M, tỉnh Lâm Đồng;

Địa chỉ: Tổ Dân phố E, phường M, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông Võ T1, sinh năm 1966

Địa chỉ: Tổ Dân phố E, phường M, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa vắng mặt tất cả các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2026 và quá trình giải quyết vụ án nguyên
đơn bà Đỗ Thị S trình bày:*

Bà và ông Võ T1 tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, chung sống với nhau từ năm
1988 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn, theo Đơn xin xác nhận không đăng
ký kết hôn của bà Đỗ Thị S đề ngày 23/04/2026 có xác nhận của Ủy ban nhân dân
phường M, tỉnh Lâm Đồng đề ngày 24/4/2026.

Quá trình chung sống, giữa bà và ông T1 có phát sinh mâu thuẫn nhưng vì thương con nên bà chịu đựng, nay các con đã trưởng thành, có gia đình riêng nhưng ông T1 vẫn không có gì thay đổi, không chăm lo cho gia đình, hay mắng chửi vợ con, nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, bà không còn tình cảm với ông T1, nên bà đề nghị Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Thọ .

Về con chung: Quá trình chung sống, ông bà có 04 con chung là: Võ Thị Minh T2 (nữ), sinh năm 1989; Võ Ngọc T3 (nam), sinh năm 1991; Võ Thị Minh T4 (nữ), sinh năm 1993; Võ Thị Minh T5 (nữ), sinh năm 1995. Các con đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Võ T1: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Võ T1 không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã có Công văn số 395/CV-TAKV10 ngày 18/5/2026 về việc xác minh thông tin đăng ký kết hôn giữa bà Đỗ Thị S và ông Võ T1 gửi Ủy ban nhân dân phường M, tỉnh Lâm Đồng và đã có các công văn nhắc số 461/CV-TAKV10 ngày 05/6/2026, số 541/CV-TAKV10 ngày 26/6/2026 về việc sớm cung cấp thông tin tuy nhiên đến nay vẫn chưa nhận được phúc đáp của Ủy ban nhân dân phường M.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

1. Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Căn cứ khoản 7 Điều 3, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đỗ Thị S: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đỗ Thị S và ông Võ T1 .

Về con chung: Ông bà có 04 con chung là: Võ Thị Minh T2 (nữ), sinh năm 1989; Võ Ngọc T3 (nam), sinh năm 1991; Võ Thị Minh T4 (nữ), sinh năm 1993;

Võ Thị Minh T5 (nữ), sinh năm 1995. Các con đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn bà Đỗ Thị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ ý kiến trình bày của đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Đỗ Thị S có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn. Bị đơn là ông Võ T1 hiện cư trú tại Khu phố A, phường M, tỉnh Lâm Đồng nay là Tổ Dân phố E, phường M, tỉnh Lâm Đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2025) thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng ông Võ T1 vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị S và ông Võ T1 tự nguyện sống chung và coi nhau là vợ chồng từ năm 1988 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Theo Đơn xin xác nhận không đăng ký kết hôn của bà Đỗ Thị S đề ngày 23/04/2026 có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường M, tỉnh Lâm Đồng đề ngày 24/4/2026 với nội dung “*Qua kiểm tra phần mềm đăng ký kết hôn: không có thông tin kết hôn của bà Đỗ Thị S – 1969 với ông Võ T1 - 1966...*” nên căn cứ theo quy định tại khoản 1, 5, 7 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ giữa bà Đỗ Thị S và ông Võ T1 là chung sống như vợ chồng không phải là quan hệ hôn nhân.

[2.2] Theo trình bày của bà Đỗ Thị S thì quá trình chung sống như vợ chồng, giữa bà và ông Võ T1 có phát sinh mâu thuẫn, vì thương con nên bà chịu đựng, nay các con đã trưởng thành, có gia đình riêng nhưng ông T1 vẫn không có gì thay đổi, không chăm lo cho cuộc sống chung, hay mắng chửi bà và các con, nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, bà không còn tình cảm với ông T1 nên bà yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Thọ .

[2.3] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị S, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện để nguyên, bị đơn hòa giải, hàn gắn tình cảm, nhưng ông Võ T1 không đến Tòa án để giải quyết và cũng không gửi cho Tòa án văn bản có ý kiến, tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.4] Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ chung sống như vợ chồng

giữa bà Đỗ Thị S và ông Võ T1 không thể hàn gắn, không thể kéo dài, nên căn cứ vào Điều 14, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị S như ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp.

[2.5] Về con chung: Theo nguyên đơn khai, quá trình chung sống như vợ chồng giữa bà và ông Võ T1 có 04 người con chung là: Võ Thị Minh T2 (nữ), sinh năm 1989; Võ Ngọc T3 (nam), sinh năm 1991; Võ Thị Minh T4 (nữ), sinh năm 1993; Võ Thị Minh T5 (nữ), sinh năm 1995. Các con đã thành niên và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đỗ Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: Bà Đỗ Thị S là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Khoản 1, 5, 7 Điều 3, khoản 3 Điều 4, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị S.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đỗ Thị S và ông Võ T1 .

2. Về án phí: Bà Đỗ Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008711 ngày 13/05/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Bà S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt đương sự, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND KV 10 -Lâm Đồng;
- Phòng THADS KV10 -Lâm Đồng;
- UBND P. Mũi Né;
- Lưu hồ sơ,

Ngô Thị Xuân Vi